

**Đồng hồ áp suất**  
**MA-40-2,5-R1/8-E-RG**  
Số bộ phận: 546963

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                              | Giá trị                                                                                                |
|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Vùng hiển thị                         | 0 bar...2.5 bar                                                                                        |
| Tuân theo tiêu chuẩn                  | EN 837-1                                                                                               |
| Kích thước định mức áp kế             | 40                                                                                                     |
| Chống cháy nổ                         | Lưu ý thông tin trong chứng nhận<br>Vùng 1 (ATEX)<br>Vùng 2 (ATEX)<br>Vùng 21 (ATEX)<br>Vùng 22 (ATEX) |
| Cấu trúc xây dựng                     | Áp kế lò xo ống                                                                                        |
| Kiểu gắn                              | Lắp đặt đường dây                                                                                      |
| Môi chất vận hành                     | Khí trơ<br>chất lỏng trung tính                                                                        |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển | không có axetylen<br>không ôxy                                                                         |
| Áp suất vận hành                      | 0 MPA...0.25 MPA<br>0 bar...2.5 bar<br>0 psi...36.25 psi                                               |
| Hệ số tải luân phiên                  | 0.66                                                                                                   |
| Độ chính xác của phép đo              | 2,5                                                                                                    |
| Mức độ bảo vệ                         | IP43                                                                                                   |
| Nhiệt độ trung bình                   | -20 °C...60 °C                                                                                         |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh        | -20 °C...60 °C                                                                                         |
| Tuân thủ LABS                         | VDMA24364-B1/B2-L                                                                                      |
| Ghi chú vật liệu                      | Tuân thủ RoHS                                                                                          |
| Vị trí kết nối                        | Mặt sau trung tâm                                                                                      |
| Cổng nối khí nén                      | R1/8                                                                                                   |
| Vật liệu tiếp xúc môi chất            | Đồng thau                                                                                              |
| Vật liệu ngông vận vít                | Đồng thau                                                                                              |
| Vật liệu vỏ                           | ABS                                                                                                    |
| Vật liệu cửa kính quan sát            | PMMA                                                                                                   |
| nhà màu                               | màu đen                                                                                                |
| trọng lượng sản phẩm                  | 60 g                                                                                                   |

| Đặc tính | Giá trị                         |
|----------|---------------------------------|
| Thang đo | Thang đo đơn<br>bar (bên ngoài) |